TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 98A /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/12/2022
" Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Lê Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đức Hảo, bà Nguyễn Thị Xuân Oanh

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hưng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà: bà Trần Thị Tú - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 349/2022/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị N – sinh năm 1980

ĐKNKTT: khối Đại Nghĩa, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An – có mặt

Bị đơn: anh Võ Quốc Đ - Sinh năm 1979

ĐKNKTT: khối Đại Nghĩa, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau: chị Nguyễn Thị N và anh Võ Quốc Đ lấy nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/09/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có với nhau 2 người con chung. Đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ không chung thủy với chị, có mối quan hệ bất chính với người khác. Vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021 không quan hệ tình cảm với nhau, anh Đ sống với người khác thỉnh thoảng mới về nhà. Chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể khắc phục được nữa nên xin ly hôn để ổn định tư tưởng nuôi dạy con cái.

Về con: Vợ chồng có 2 con chung là Võ Thành T, sinh ngày: 06/03/2005 và Võ Quyết T, sinh ngày: 24/04/2011. Hiện nay 2 con đang sống chung với chị N. Ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung, yêu cầu anh Đ cấp

dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Võ Quốc Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát Thành phố Vinh phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết đúng vụ án đúng quy định tại điều 28, điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định. Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự, điều 51, 53, 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Võ Quốc Đ. Về con: giao 2 con chung là Võ Thành T, sinh ngày: 06/03/2005 và Võ Quyết T, sinh ngày: 24/04/2011 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Buộc anh Võ Quốc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một tháng 2.000.000đ kể từ tháng 01/2023. Về tài sản: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét. Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện VKS, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay anh Cường vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về thủ tục tố tụng: đây là vụ án tranh chấp ly hôn, bị đơn là anh Võ Quốc Đ có hộ khẩu thường trú tại Khối Đại Nghĩa, phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân Thành phố Vinh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ hợp lệ, đúng quy định pháp luật nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 147, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 BLTTDS để giải quyết vụ án.

2. Về nội dung vụ án: chị N, anh Đ lấy nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đông Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An vào ngày 22/09/2004. Như vậy hôn nhân của chị N, anh Đ là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống do anh Đ không chung thủy nên chị N làm đơn xin ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt bằng văn bản đồng thời thông báo qua điện thoại cho anh Đ nhưng anh Đ không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp và hòa giải. Quá trình Tòa án xác minh tại gia đình anh Đ thì bà Nguyễn Thị L mẹ anh Đ cho biết anh Đ hiện đang sống với người phụ nữ khác, gia đình đã khuyên ngăn nhưng anh Đ không từ bỏ. Quá trình Tòa án tống đạt các văn bản bà L nhận thay và đều thông báo

cho anh Đ biết và anh Đ có trao đổi lại với bà Lan việc chị Ngân làm đơn ly hôn đơn phương thì tự giải quyết chứ anh Đ từ chối không đến Tòa án. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Đ đã thực sự trầm trọng. Xét mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ đã rất trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị N được ly hôn với anh Đ.

Về con: Vợ chồng có 2 con chung là Võ Thành T, sinh ngày: 06/03/2005 và Võ Quyết T, sinh ngày: 24/04/2011. Hiện nay 2 con đang sống chung với chị N. Ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cả 2 con chung, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị mỗi tháng 2.000.000đ. Xét yêu cầu nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị N là chính đáng quá trình sống ly thân cả 2 con chung đều do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, điều này cũng phù hợp với nguyên vọng của cháu T và cháu Đ. Vì vậy cần giao cả 2 con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Buộc anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N mỗi tháng 2.000.000đồng (1.000.000đ/1cháu) kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

- Về tài sản: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điều 56, 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điều 40, điều 147, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

- Về quan hệ tình cảm: xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Võ Quốc Đ.

- Về con chung: Giao 2 con chung là Võ Thành T, sinh ngày: 06/03/2005 và Võ Quyết T, sinh ngày: 24/04/2011 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Buộc anh Võ Quốc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ngân mỗi tháng 2.000.000đồng (1.000.000đồng/1cháu) kể từ tháng 01/2023. Anh Võ Quốc Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, gặp gỡ và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cấm.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị N làm đơn yêu cầu thi hành án. Nếu anh Võ Quốc Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,

Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: chị Nguyễn Thị N chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ do đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vinh theo biên lai nộp tiền số 0010367 ngày 18 tháng 10 năm 2022.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Ngân có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Anh Đ vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi gửi:
- *VKSNDTP.Vinh*
- *Các Đương sự*
- *Lưu HS*
- *TAND tỉnh Nghệ An*
- *UBND P Đông Vĩnh (nơi ĐKKH)*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hoài